

BÁO CÁO
Về việc tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2022

Kính gửi: Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở Văn bản số 4955/SKHĐT-TĐ ngày 19/12/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2022. UBND huyện Vĩnh Cửu báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU.

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện công tác đấu thầu năm 2022.

Công tác tổ chức đấu thầu tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục, quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các quy định hiện hành.

1.1. Kết quả lựa chọn nhà thầu dự án sử dụng vốn nhà nước năm 2022 theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13:

- Số lượng gói thầu: 600 gói thầu (49 gói phi tư vấn; 458 gói tư vấn; 07 gói mua sắm hàng hóa; 83 gói xây lắp; 03 gói hỗn hợp)
- Tổng giá các gói thầu: 184.210 triệu đồng.
- Tổng giá trúng thầu: 180.179 triệu đồng.
- Chênh lệch giữa giá trúng thầu so với giá gói thầu 4.031 triệu đồng (giảm 2%).

1.2. Kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm nguồn vốn mua sắm thường xuyên năm 2022 quy định tại điểm D, Đ, E và G Khoản 1 Điều 1 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13:

- Số lượng gói thầu: 24 gói thầu (17 gói tư vấn; 07 gói mua sắm hàng hóa)
- Tổng giá gói thầu mua sắm hàng hóa: 2.931 triệu đồng.
- Tổng giá trúng thầu mua sắm hàng hóa: 2.922 triệu đồng.
- Chênh lệch giữa giá trúng thầu so với giá gói thầu 9 triệu đồng (giảm 0.3%).

(Đính kèm biểu tổng hợp)

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến, đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu.

UBND huyện đã triển khai, quán triệt đến các phòng, ban chuyên môn, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện công tác đấu thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu. Công tác đấu thầu thực hiện tuân thủ theo các quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các quyết định có liên quan.

Trong công tác lựa chọn nhà thầu chấp hành nghiêm các quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014, như đăng tải thông tin trên Báo đấu thầu (đăng tải Kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, thông báo kết quả đấu thầu ...).

3. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

Trong năm 2022, không thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác lựa chọn nhà thầu.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

Trong năm 2022 trong hoạt động đấu thầu ở huyện Vĩnh Cửu không có đơn khiếu nại, kiến nghị nào. Không có trường hợp nào bị xử phạt trong đấu thầu.

5. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu.

Trong năm 2022, trên địa bàn huyện không có nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các gói thầu.

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm 2022.

1. Đánh giá chung.

- Nhìn chung công tác lựa chọn nhà thầu trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu lựa chọn được các đơn vị có năng lực, uy tín thực hiện các gói thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, kỹ thuật... đáp ứng được yêu cầu mời thầu. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có không ít nhà thầu thi công chưa đáp ứng được tiến độ, công tác lập hồ sơ hoàn công, quyết toán còn chậm trễ phải đôn đốc nhiều lần.

- Việc phân bổ kế hoạch vốn thực hiện dự án cho các dự án kịp thời, phù hợp tiến độ thi công đảm bảo cho nhà thầu trong việc hoàn thành hợp đồng.

- Ngoài những kết quả đạt được, trong công tác đấu thầu trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu không tránh khỏi có những thiếu sót. Do công tác lựa chọn nhà thầu qua mạng còn mới, đội ngũ làm công tác đấu thầu chưa nắm bắt rõ quy trình, cách thức, còn lúng túng khi triển khai thực hiện. Nhìn chung tỷ lệ tiết kiệm vốn sau đấu thầu của các gói thầu trên địa bàn huyện còn thấp. Tỷ lệ chưa đáp ứng được mục tiêu và yêu cầu hiệu quả kinh tế của đấu thầu.

UBND huyện Vĩnh Cửu sẽ tập trung hơn trong công tác quản lý, điều hành, yêu cầu các phòng ban, đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện nghiêm các quy định trong lĩnh vực này.

2. Về xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật về đấu thầu: UBND huyện là đơn vị thực hiện các cơ chế chính sách về đấu thầu.

3. Việc thực hiện đấu thầu qua mạng theo lộ trình quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT: Đảm bảo thực hiện theo đúng lộ trình.

4. Công tác hướng dẫn thực hiện, đào tạo và tuyên truyền phổ biến pháp luật về đấu thầu: Thực hiện đảm bảo theo quy định.

5. Công khai thông tin trong đấu thầu: Thực hiện việc đăng tải thông tin đấu thầu theo đúng quy định.

6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo: Triển khai thực hiện theo quy định.

7. Tình hình triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017, Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 24/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công tác ngăn ngừa, xử lý các hành vi tiêu cực trong đấu thầu.

Trong năm 2022 trong hoạt động đấu thầu ở huyện Vĩnh Cửu không có trường hợp nào phải xử lý các hành vi tiêu cực trong đấu thầu.

III. Giải pháp và kiến nghị.

UBND huyện Vĩnh Cửu kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tập huấn cho đội ngũ làm công tác đấu thầu, nhất là công tác tổ chức đấu thầu qua mạng để theo kịp lộ trình chung cả nước về việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.

PHẦN II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC XÃ HỘI HÓA

Trong năm 2022, trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu không tổ chức thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

Trên đây là báo cáo kết quả tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND;
- C,PVP HĐND-UBND huyện;
- Phòng Tài chính – KH huyện;
- Lưu – CVTH (Khoa).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Phương

PHỤ LỤC 2

Biểu 2.1

BAO CAO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1*, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia				Dự án nhóm A				Dự án nhóm B				Dự án nhóm C				Đơn vị: Triệu đồng			
		Tổng giá gói thầu		Chênh lệch		Tổng giá gói thầu		Chênh lệch		Tổng giá gói thầu		Chênh lệch		Tổng giá gói thầu		Chênh lệch		Tổng giá gói thầu		Chênh lệch	
		(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phi tư vấn	KQM				0				0				0	47	232	232	0	47	232	232	0
	QM				0				0				0	2	9858	9826	32	2	9858	9826	32
	KQM				0				0	32	6683	5812	871	422	17.649	17.585	64	454	24.332	23.397	935
	QM				0				0	2	2.533	2.476	57	2	3.295	3.245	50	4	5.828	5.721	107
	KQM				0				0	1	807	807	0	4	1.822	1.813	9	5	2.629	2.620	9
3. Mua sắm hàng hóa	QM				0				0				0	2	3.945	3.937	8	2	3.945	3.937	8
	KQM				0				0	2	1.504	1.504	0	44	25.455	24.895	560	46	26.959	26.399	560
	QM				0				0	1	1.772	1.720	52	36	108.505	106.180	2.325	37	110.277	107.900	2.377
4. Xây lắp	KQM				0				0				0	3	150	147	3	3	150	147	3
5. Hỗ trợ	KQM				0				0				0								
Tổng cộng I	KQM				0	0	0	0	0	35	8.994	8.123	871	520	45.308	44.672	636	555	54.302	52.795	1.507
	QM				0	0	0	0	0	3	4.305	4.196	109	42	125.603	123.188	2.415	45	129.908	127.384	2.524
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rộng rãi**	Trong nước				0				0				0				0	0	0	0	0
	Quốc tế				0				0	2	2.533	2.476	57	7	43.824	43.618	206	9	46.357	46.094	263
2. Hạn chế	Trong nước				0				0				0				0	0	0	0	0
	Quốc tế				0				0				0				0	0	0	0	0
	Trong nước				0				0				0				0	0	0	0	0
	Quốc tế				0				0				0				0	0	0	0	0
3. Chỉ định thầu	Trong nước				0				0	35	8.994	8.123	871	517	43.932	43.305	627	552	52.926	51.428	1.498
	Quốc tế				0				0				0				0	0	0	0	0
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước				0				0				0				0	0	0	0	0
	Quốc tế				0				0	1	1.772	1.720	52	35	81.779	79.570	2.209	36	83.551	81.290	2.261
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước				0				0				0				0	0	0	0	0
	Quốc tế				0				0				0	3	1.376	1.367	9	3	1.376	1.367	9
6. Tư thực hiện	Trong nước				0				0				0				0	0	0	0	0
	Quốc tế				0				0				0				0	0	0	0	0
7. Đặc biệt	Trong nước				0				0				0				0	0	0	0	0
	Quốc tế				0				0				0				0	0	0	0	0
8. Tham gia thực hiện của công đồng	Trong nước				0				0				0				0	0	0	0	0
	Quốc tế				0				0				0				0	0	0	0	0
Tổng cộng II					0	0	0	0	0	35	8.994	8.123	871	520	45.308	44.672	636	555	54.302	52.795	1.507
					0	0	0	0	0	3	4.305	4.196	109	42	125.603	123.188	2.415	45	129.908	127.384	2.524

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA
 * Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm d và các điểm e, g khoản 1
 Điều 1 Luật Đầu thầu năm 2013
 ** Mua sắm tập trung (dự án) được tổng hợp tại Biểu này đồng thời tổng hợp tại biểu 2.4
 KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)
 QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng. Lưu ý: Số liệu chính xác khi Tổng cộng I (KQM) = Tổng cộng II (QM), I (QM) = Tổng cộng II (QM).

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CÁC GÓI THẦU MUA SẮM SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẮM THƯỜNG XUYỀN NĂM 2022 THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, Đ, E VÀ G KHOẢN 1 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Tổng số gói thầu (1)	Tổng giá gói thầu (2)	Tổng giá trúng thầu (3)	Chênh lệch (4) = (2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU					
1. Phí tư vấn	KQM				
	QM				
2. Tư vấn	KQM	17	114	114	0
	QM				0
3. Mua sắm hàng hóa	KQM	2	545	545	0
	QM	5	2.272	2.263	9
4. Xây lắp	KQM				0
	QM				0
Tổng cộng I		19	659	659	0
	QM	5	2.272	2.263	9
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU					0
1. Rộng rãi	Trong nước				0
	Quốc tế				0
2. Hạn chế	Trong nước				0
	Quốc tế				0
3. Chỉ định thầu	Trong nước	19	659	659	0
	Quốc tế				0
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	5	2.272	2.263	9
	Quốc tế				0
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước				0
	Quốc tế				0
6. Tự thực hiện	Trong nước				0
	Quốc tế				0
7. Đặc biệt	Trong nước				0
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước				0
Tổng cộng II		19	659	659	0
	QM	5	2.272	2.263	9

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả (1) gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên và (2) mua sắm tập trung được tổng hợp tại biểu 2.4

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

PHỤ LỤC 2

Biểu 2.3

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2022 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư (a)				Dự án nhóm A (b)			Dự án nhóm B (c)				Dự án nhóm C (d)				Cộng (a + b + c + d)			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu
	(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(1)	(2)	(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																			
1. Phí tư vấn																			
2. Tư vấn																			
3. Mua sắm hàng hóa																			
4. Xây lắp																			
5. Hỗn hợp																			
Tổng cộng I																			
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																			
1. Rong rãi (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, COS, ICB, NCB...)																			
2. Hạn chế (LIB...)																			
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)																			
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)																			
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)																			
6. Tự thực hiện (force account)																			
7. Tham gia thực hiện của công đồng																			
Tổng cộng II																			

Ghi chú: Phần đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.1

Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chỉ thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.2

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

Lưu ý: Số liệu chính xác khi Tổng cộng I (KQM) = Tổng cộng II (KQM), I (QM) = Tổng cộng II (QM).

PHỤ LỤC 2

Thông tin, số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Giá gói thầu	Mặt hàng mua sắm	Số lượng mua sắm	Cách thức lựa chọn nhà thầu (Qua mạng/không qua mạng)	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu mua/nhận HSMT, HSYC	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSDX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá ký hợp đồng	Loại Hợp đồng	Cách thức ký hợp đồng (Hợp đồng khung/hợp đồng trực tiếp)
I. Dự toán mua sắm tập trung và mua sắm không tập trung	1.992									1.992	1.992		
1.1. Thiết bị thuộc danh mục mua sắm tập trung	1.448	Thiết bị		Chi định thầu thông thường	Quý III/2022				Công ty cổ phần Dầu Tư LBM; Công ty TNHH Trang thiết bị trường học Thành Phát; Công ty cổ phần công nghệ Tin Việt Tiến	1.448	1448	Tron gói	Hợp đồng khung
1.2. Thiết bị thuộc danh mục mua sắm không tập trung	446	Thiết bị		Chi định thầu thông thường	Quý III/2022				Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Vĩnh An Thịnh	446	446	Tron gói	Hợp đồng trực tiếp
1.3 Chi phí Quản lý dự án	58			Chi định thầu rút gọn	Quý II/2022				Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hoàng Lộc Thịnh	58	58	Tron gói	Hợp đồng trực tiếp
1.4 CP lập HSMT (HSYC) và danh giá HSDT (HSDX)	7			Chi định thầu rút gọn	Quý II/2022				Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hoàng Lộc Thịnh	7	7	Tron gói	Hợp đồng trực tiếp
1.5 CP thẩm định HSMT (HSYC) và danh giá HSDT (HSDX)	4			Chi định thầu rút gọn	Quý II/2022				Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Hưng Khang Thịnh	4	4	Tron gói	Hợp đồng trực tiếp
1.6 CP thẩm định giá thiết bị	4			Chi định thầu rút gọn	Quý II/2022				Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Nai	4	4	Tron gói	Hợp đồng trực tiếp
1.7 CP lập BCKTKT	11			Chi định thầu rút gọn	Quý II/2022				Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hoàng Lộc Thịnh	11	11	Tron gói	Hợp đồng trực tiếp
1.8 CP thẩm tra DT, TDT	5			Chi định thầu rút gọn	Quý II/2022				Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Chấn Bá	5	5	Tron gói	Hợp đồng trực tiếp
1.9 CP giám sát lắp đặt thiết bị	9			Chi định thầu rút gọn	Quý II/2022				Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hoàng Lộc Thịnh	9	9	Tron gói	Hợp đồng trực tiếp
Tổng cộng	1.992	0	0	0	0	0	0	0	0	1.992	1.992	0	0

Chi chú: Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu 2.1 và 2.2

PHỤ LỤC 2

Báo cáo tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA năm 2022

Đơn vị tính: 1

Nội dung	Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (CPTPP, EVFTA, UKVFTA)	Giá gói thầu	Giá trị của tùy chọn mua thêm	Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu (Trần, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, dịch vụ xây dựng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu rộng rãi, nội khối/quốc tế, chỉ định thầu nội khối/quốc tế)	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSD X	Số lượng thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng
I. Tên cơ quan mua sắm 1										
I. Dự án, dự toán mua sắm 1										
I.1. Tên gói thầu 1										
I.2. Tên gói thầu 2										
....										
I. Dự án, dự toán mua sắm 2										
I.1. Tên gói thầu 1										
....										
Tổng cộng I										
II. Tên cơ quan mua sắm 2										
I. Dự án, dự toán mua sắm 1										
I.1. Tên gói thầu 1										
....										
I. Dự án, dự toán mua sắm 2										
I.1. Tên gói thầu 1										
....										
III. Tổng cộng (I+II+...)										
I.1. Tên gói thầu 1										
....										
Tổng cộng II										
III. Tổng cộng (I+II+...)										

Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.

PHỤ LỤC 2

BÁO CÁO TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2022
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP

Biểu 2.6A

PHÂN LOẠI HÌNH THỨC ĐẦU THẦU		Tổng số dự án	Tổng đề xuất nộp ngân nhà nước yêu cầu trong HSMT, HSYC	Tổng đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu	Chênh lệch	Dự kiến tổng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp trong HSMT/HSYC	Tổng Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất
1. Rộng rãi	Trong nước						
	Quốc tế						
2. Chỉ định thầu	Trong nước						
	Quốc tế						
3. Đặc biệt	Trong nước						
	Quốc tế						
Tổng cộng							

Đơn vị: Tỷ đồng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
THEO LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP

Tên dự án	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Loại công trình dự án (1)	Công bố danh mục dự án (2)			Số lượng nhà đầu tư nộp HSDK thực hiện dự án	Số lượng nhà đầu tư ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm	Chấp thuận NDT (3)	Gia hạn thời gian nộp HSDK (có/không)(4)		Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (5)	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSM/HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (6)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
				Thuộc diện chấp thuận đầu tư	Chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận đầu tư				Có	Không					
1. Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập																
Dự án 1																
Dự án 2																
...																
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất																
Dự án 1																
Dự án 2																
...																

Ghi chú:

- (1) Ghi loại công trình dự án theo tiêu chí phân loại sau: khu đô thị; nhà ở thương mại; trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ; hoặc công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng;
- (2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- (3): Ghi "X" trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
- (4): Trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, ghi "Có" hoặc "Không" gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
- (5): Ghi "X" trường hợp có 02 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
- (6): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn.

PHỤ LỤC 2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PHẢI TỔ CHỨC ĐẦU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH,
PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA NĂM 2022 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP

Biểu 2.6C

Tên dự án	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Lĩnh vực dự án (1)	Công bố danh mục dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp HSDK thực hiện dự án	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm	Chấp thuận NĐT (3)	Gia hạn thời gian nộp HSDK (có/không)(4)		Đầu thầu rộng rãi (5)	Tiêu chí xét duyệt trúng thầu (6)
				Thuộc diện chấp thuận đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận				Có	Không		
1. Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập												
Dự án 1												
Dự án 2												
...												
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất												
Dự án 1												
Dự án 2												
...												

Ghi chú:

- (1): Ghi lĩnh vực dự án: Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường...;
 (2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
 (3): Ghi "X" trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
 (4): Trường hợp có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, ghi "Có" hoặc "Không" gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
 (5): Ghi "X" trường hợp có 02 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
 (6): Ghi tiêu chí xét duyệt trúng thầu (đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc giá phí hàng hóa, dịch vụ hoặc tiêu chí khác).

